

Bản án số: 510/2022/DS- ST

Ngày: 28/9/2022

V/v: *Tranh chấp đòi lại tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tốt.

2. Ông Nguyễn Văn Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Khôi – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa: Bà **Lường Thị Lan** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2022/TLST-DS ngày 12/01/2022 về “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 853/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty M;

Địa chỉ: Khu phố 2, phường A, Thành phố A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Thân Văn H, sinh năm 1985 hoặc bà Trần Huyền M, sinh năm 1998 (Theo giấy ủy quyền lập ngày 15/12/2021)

Ông H, bà M có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm: 1981;

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1983

Cùng địa chỉ: Khu phố 7, phường T, Quận a, Tp Hồ Chí Minh.

Ông Thi, bà Diễm có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2021 và trong quá trình giải quyết, bà Trần Huyền My- đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Hoàng T trước đây là nhân viên của Công ty M (sau đây gọi tắt là Công ty Hướng Minh).

Vào năm 2020, giữa Công ty M và ông Nguyễn Hoàng T, bà Nguyễn Thị D (vợ ông Thi) có thực hiện Bản án số: 583/2020/DS-ST ngày 13/10/2020 của Tòa án nhân dân Quận 12 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với nội dung ông

Nguyễn Hoàng T, bà Nguyễn Thị D và Công ty M có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu theo Hợp đồng tín dụng trả góp số CVL.UIL.05.090813 ngày 09/8/2013, số tiền còn nợ là: 145.403.255 đồng, đồng thời tại Quyết định thi hành án số: 133/QĐ-CCTHADS ngày 25/01/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12, các bên còn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là: 7.270.163 đồng

Thực hiện bản án trên, Công ty M đã trả hết tất cả số tiền nợ Ngân hàng Á Châu và số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tại Biên bản ngày 24/5/2021 đã ghi nhận việc ông T cam kết sẽ giao trả lại cho Công ty M toàn bộ số tiền án phí và tiền trả nợ cho Ngân hàng TMCP Á Châu mà Công ty M đã nộp cho Cơ quan thi hành án Dân sự Quận 12.

Tuy nhiên, tại Biên Bản thỏa thuận xác nhận thanh toán ngày 24/5/2021 giữa Công ty M và ông Nguyễn Hoàng T thì phía Công ty M chỉ yêu cầu ông T và bà D hoàn trả lại số tiền 145.403.255 đồng và không yêu cầu trả số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Đồng thời các bên quy định đến hết ngày 11/6/2021 nếu ông Thi, bà Diễm không trả số tiền trên thì phải chịu mức lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật. Công ty M yêu cầu Toà án tính lãi chậm trả là 0.83%/tháng.

Nay, Công ty M yêu cầu Toà án buộc ông Nguyễn Hoàng T và vợ là bà Nguyễn Thị D liên đới trả lại cho Công ty TNHH Hướng Minh tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/9/2022 là 163.505.923 đồng, trong đó: Số tiền nợ gốc là 145.403.255 đồng, nợ lãi là 18.102.701 đồng.

Ngày 22/9/2022 ông Thân Văn Hiệp, bà Trần Huyền My có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Theo bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Hoàng T trình bày:

Ông T xác nhận có nợ Công ty M số tiền theo “Bản thỏa thuận xác nhận thanh toán” ngày 24/5/2022 đến hết ngày 11/6/2021 ông T và bà D có trách nhiệm thanh toán hết số tiền tiền gốc là 145.403.222 đồng và tiền lãi (lãi suất 0.83%/tháng) tạm tính đến ngày 15/9/2022 là 18.102.701 đồng. Ông thống nhất với số tiền nợ Công ty M đã đưa ra nhưng do đang gặp khó khăn về tài chính nên ông T xin trả nợ dần như phương án trả thành hai lần: Lần 1: Chậm nhất là ngày 30/9/2022 thanh toán số tiền: 80.000.000 đồng; Lần 2: chậm nhất ngày 30/12/2022 thanh toán hết số tiền còn lại là 72.644.302 đồng. Nguyên đơn yêu cầu thanh toán 1 lần toàn bộ số tiền trên thì ông T không có khả năng. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ngày 30/8/2022 ông Nguyễn Hoàng T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Theo bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà Nguyễn Thị D xác nhận có nợ Công ty M số tiền theo “Bản thỏa thuận xác nhận thanh toán” ngày 24/5/2022 đến hết ngày 11/6/2021 ông T và bà D có trách nhiệm thanh toán hết số tiền tiền gốc là 145.403.222 đồng và tiền lãi (lãi suất 0.83%/tháng) tạm tính đến ngày 15/9/2022 là 18.102.701 đồng. Bà Diễm thống nhất với ý kiến của chồng bà là ông Nguyễn Hoàng T, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/7/2022 bà Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Quận 12, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đều đã được thực hiện đúng quy định nên việc xét xử vắng mặt các đương sự vừa nêu là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên Quyết định đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả số tiền 163.505.923 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Công ty M khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoàng T và vợ là bà Nguyễn Thị D liên đới trả lại số tiền còn nợ theo “Bản thỏa thuận xác nhận thanh toán” ngày 24/5/2021 mà các bên đã ký, đây là quan hệ “Tranh chấp đòi lại tài sản”; bị đơn hiện cư trú tại phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về việc xét xử vắng mặt đương sự:*

Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Ngày 22/9/2022 ông Thân Văn H, bà Trần Huyền M là đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; ngày 30/8/2022 ông Nguyễn Hoàng T và ngày 05/7/2022 bà Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu vắng mặt của đại diện nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về nội dung:*

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả một lần tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/9/2022 là 163.505.923 đồng.

[3.1] Căn cứ vào “Bản thỏa thuận xác nhận thanh toán” ngày 24/5/2021 giữa Công ty M và ông Nguyễn Hoàng T có chữ ký và chữ viết của ông Thi, có cơ sở xác định ông T còn nợ Công ty M số tiền là 145.403.222 đồng. Thỏa thuận được giao kết trên cơ sở tự nguyện nên có giá trị pháp lý phù hợp với các quy định tại Điều 117 ràng buộc các bên phải có nghĩa vụ thực hiện.

Khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “*Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật*”.

[3.2] Căn cứ vào bản tự khai, các biên bản hoà giải tại Toà án, bị đơn là ông Nguyễn Hoàng T và vợ là bà Nguyễn Thị D cùng thống nhất xác nhận còn nợ Công ty M số tiền là 145.403.222 đồng, do đó có cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền như trên.

Quá thời hạn thanh toán theo thỏa thuận, nhưng ông Thi, bà Diễm không trả số tiền đã xác nhận nợ cho Công ty M là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.3] *Về tiền lãi:*

Căn cứ vào “Bản thỏa thuận xác nhận thanh toán” ngày 24/5/2021 giữa Công ty M và ông Nguyễn Hoàng T, các bên thỏa thuận trường hợp ông T không trả số tiền trên thì phải chịu mức lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật. Các bên thống nhất yêu cầu Toà án tính lãi chậm trả là 0.83%/tháng tương đương lãi suất 10%/năm.

Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận lãi suất của hai bên là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác*”.

Số tiền lãi tạm tính đến ngày 28/9/2022 là : 145.403.222 đồng x 10%/năm x 15 tháng 17 ngày = 18.605.505 đồng.

[4] *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh:* Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/9/2022 là 164.008.727 đồng.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/9/2022 là 164.008.727 đồng.

[5] *Về án phí:* Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 105, 166, 117, 274, 275, 276, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty M đối với ông Nguyễn Hoàng T, bà Nguyễn Thị D về việc tranh chấp đòi lại tài sản.

2. Buộc ông Nguyễn Hoàng T, bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty M tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/9/2022 là 164.008.727 đồng (Một trăm sáu mươi bốn triệu không trăm lẻ tám nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc là 145.403.222 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm lẻ ba nghìn hai trăm hai mươi hai đồng) và nợ lãi là 18.605.505 đồng (Mười tám triệu sáu trăm lẻ năm nghìn năm trăm lẻ năm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Hoàng T, bà Nguyễn Thị D chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.200.436 đồng (Tám triệu hai trăm nghìn bốn trăm ba mươi sáu đồng).

Hoàn lại cho Công ty TNHH Hường Minh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.816.108 đồng (ba triệu tám trăm mười sáu nghìn một trăm lẻ tám đồng) theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0022576 ngày 12/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Hoài

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 28 tháng 9 năm 2022.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quân;
2. Ông Võ Văn Tốt.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 17/2022/TLST-DS ngày 12/01/2022 về “Tranh chấp đòi lại tài sản” giữa:

- Nguyên đơn: Công ty M;

Địa chỉ: 03 đường số 3, Khu phố 2, phường An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Thân Văn Hiệp, sinh năm 1985 hoặc bà Trần Huyền My, sinh năm 1998 (Theo giấy ủy quyền lập ngày 15/12/2021)

Ông Hiệp, bà My có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm: 1981;

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1983

Cùng địa chỉ: 81/20 TTN2, Tổ 80C, Khu phố 7, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Thi, bà Diễm có đơn xin vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hướng Minh đối với ông Nguyễn Hoàng T, bà Nguyễn Thị D về việc tranh chấp đòi lại tài sản.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

2. Buộc ông Nguyễn Hoàng T, bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty M tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/9/2022 là 164.008.727 đồng (Một trăm sáu mươi bốn triệu không trăm lẻ tám nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc là 145.403.222 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm lẻ ba nghìn hai trăm hai mươi hai đồng) và nợ lãi là 18.605.505 đồng (Mười tám triệu sáu trăm lẻ năm nghìn năm trăm lẻ năm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

3. Ông Nguyễn Hoàng T, bà Nguyễn Thị D chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.200.436 đồng (Tám triệu hai trăm nghìn bốn trăm ba mươi sáu đồng).

Hoàn lại cho Công ty TNHH Hướng Minh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.816.108 đồng (ba triệu tám trăm mười sáu nghìn một trăm lẻ tám đồng) theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0022576 ngày 12/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Hoài